

TP.HCM, Ngày tháng 04 năm 2016

**BẢNG CHI TIẾT**  
**Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

<b>ĐIỂM SỬA ĐỔI</b>	<b>ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH</b>	<b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	<b>GIẢI TRÌNH</b>
Sửa đổi điểm c  Sửa đổi điểm đ	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>  c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b>60/2005/QH11</b> được Quốc hội thông qua ngày <b>29 tháng 11 năm 2005</b>  e. "Người quản lý, điều hành" là <b>Tổng Giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng</b> Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>  c.Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2014</u> .  đ. "Người quản lý" là <u>Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT; Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng</u> trong Công ty.	Sửa đổi cho phù hợp với việc viện dẫn Luật Doanh nghiệp 2014.  Sửa đổi cho phù hợp K18 Đ4 LDN
Sửa đổi khoản 3  Sửa đổi khoản 5	<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>  Điện thoại : <b>38294035</b> – 38231313  Fax : <b>39151611</b>  5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm	<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>  Điện thoại : (84-8) 38231313 – <u>38216142</u>  Fax : (84-8) <u>38216144</u>  5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với thực tế.  Điều chỉnh câu văn cho ngắn gọn, xúc tích.

Sửa đổi khoản 6	vi luật pháp cho phép. 6. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	6. Thời hạn và phạm vi hoạt động : a) Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn. b) Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại nơi đặt chi nhánh và văn phòng đại diện	Bổ sung cho đủ ý.
Sửa đổi khoản 2 và đưa lên thành khoản 1  Bổ sung khoản 3	<b>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty</b> 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là : - Tăng và tối đa hóa lợi nhuận, mang lại lợi ích cho các cổ đông góp vốn vào Công ty. - Không ngừng phát triển kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động, phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, giải quyết việc làm và cải thiện đời sống người lao động.	<b>Điều 3: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh</b> 1. <u>Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Công ty, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước</u>  3. <u>Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bổ sung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ được tư đồng cập nhật vào Điều lệ này.</u>	Điều chỉnh câu văn cho ngắn gọn, xúc tích.  Bổ sung để thuận tiện khi có sự thay đổi (nếu có).
	<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	Theo quy định của pháp luật hiện hành,

Sửa đổi khoản 1	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không còn thể hiện ngành nghề đăng ký kinh doanh.
Bổ sung Điều 5		<b>Điều 5: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội khác</b>  1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác như Công đoàn, Đoàn Thanh niên trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của Công ty.  2. Công ty tôn trọng và có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ Công ty. Đảm bảo mục tiêu hiệu quả kinh doanh và định hướng xã hội chủ nghĩa.	Bổ sung cho phù hợp Điều 6 LDN 2014.
Sửa đổi khoản 2	<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần</b>  2. Công ty có thể <b>tăng</b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	<b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</b>  2. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2014 ( <i>vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm</i> ).
Bổ sung khoản 8		<u>8. Quy định về vốn điều lệ tại khoản 1 của điều này được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm vào Điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	Bổ sung để thuận tiện khi có sự thay đổi (nếu có).

<p>Bổ sung điểm a Khoản 2</p>	<p><b>Điều 11 : Quyền của cổ đông</b></p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p>	<p><b>Điều 12 : Quyền của cổ đông</b></p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa <u>hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.</u></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 140 LDN 2014</p>
<p>Sửa đổi điểm a khoản 3 ; kết hợp khoản 4 vào khoản 3</p>	<p><b>3. Cổ đông sở hữu cổ phần từ 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông</b> trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>Điều 79 và Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>4. Quyền đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.</p>	<p><b>3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông</u></b> trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 25 và Khoản 4 Điều 33 Điều lệ này;</p>	<p>Sửa để thống nhất chung một tỷ lệ.</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với việc viện dẫn Luật Doanh nghiệp 2014</p>
<p>Bổ sung điểm c</p>	<p><b>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất</p>	<p><b>Điều 14: Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập ĐHĐCĐ bất</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 3 Điều 136</p>

<p>khoản 3</p> <p>Sửa đổi điểm đ khoản 3</p>	<p>thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>3.đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 119</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường</p>	<p>thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <a href="#">Ban kiểm soát</a> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>3.đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <a href="#">Điều 160</a> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với việc viện dẫn Luật Doanh nghiệp 2014</p>
<p>Sửa đổi điểm b,c khoản 4</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 5 Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <a href="#">Khoản 5 Điều 136</a> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <a href="#">Khoản 6 Điều 136</a> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với việc viện dẫn Luật Doanh nghiệp 2014</p>

<p>Sửa đổi khoản 1</p>	<p><b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p><u>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</u></p> <p><u>b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</u></p> <p><u>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</u></p> <p><u>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng kiểm soát viên;</u></p> <p><u>e. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014</p>
<p>Sửa đổi điểm p khoản 2</p>	<p>2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 120</b> Luật Doanh nghiệp với giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản</b> của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162</u> Luật Doanh nghiệp với giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</u> của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p>	<p>Sửa phù hợp với điểm d, Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014. ( Tỷ lệ giá trị ký kết LDN cho phép lớn hơn hoặc bằng 35%)</p>

<p>Bổ sung điểm q,r khoản 2</p> <p>Sửa đổi khoản 3</p>	<p>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>Khoản 1 Điều 14</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p><u>q. Thông qua định hướng phát triển của công ty;</u></p> <p><u>r. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;</u></p> <p>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với việc viện dẫn Luật Doanh nghiệp 2014</p>
<p>Sửa đổi tiêu đề</p> <p>Sửa đổi khoản 1</p> <p>Bổ sung</p>	<p><b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp, có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện</p>	<p><b>Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><u>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</u></p> <p><u>2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại</u></p>	<p>Sửa đổi để bao quát nội dung</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

thêm khoản 2		<p><u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p><u>b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u></p> <p><u>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u></p> <p><u>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</u></p>	
Sửa đổi điểm a khoản 2	<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <b>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông</b>; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp</u> Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2014
Bổ sung khoản 6	<p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp</p>	<p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp, <u>trừ trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập.</u></p>	Theo khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp, người triệu tập sẽ dự thảo nghị quyết.



<p>Sửa đổi khoản 1</p> <p>Sửa đổi khoản 2</p>	<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>65%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <b>51%</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <u>33%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014</p>
	<p><b>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ <b>65% trở lên</b> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của cty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc</p>	<p><b>Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><u><b>1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</b></u></p> <p><u>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</u></p> <p><u>b. Định hướng phát triển công ty;</u></p> <p><u>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p><u>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 143,144 Luật Doanh nghiệp 2014</p>

<p>điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ <b>50% trở lên</b> tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ <b>75% trở lên</b> tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất <b>75%</b> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>e. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u></p> <p>f. <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u></p> <p><b><u>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</u></b></p> <p>a. <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u></p> <p>b. <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p>c. <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</u></p> <p>d. <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</u></p> <p>e. <u>Tổ chức lại, giải thể công ty;</u></p> <p><b><u>3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này;</u></b></p> <p><b><u>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm</u></b></p>	
---	---	--

		<p><u>soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</u></p> <p><u><b>5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b> thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</u></p>	
<p>Sửa đổi khoản 2</p> <p>Sửa đổi khoản 4</p>	<p><b>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <b>muời lăm (15) ngày</b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký</p>	<p><b>Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>muời (10) ngày</u> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p><u>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời</u></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại</p>

<p>Sửa đổi khoản 6</p> <p>Sửa đổi khoản 8</p>	<p>của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><u>đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <p><u>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</u></p> <p><u>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u></p> <p><u>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</u></p> <p>6. <u>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.</u></p> <p>8. <u>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Khoản 4 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 145 LDN 2014</p> <p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 145 LDN 2014 và đã được quy định tại khoản 5 Điều 20 ĐL.</p>
	<p><b>Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách</p>	<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi</u></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp</p>

	<p>nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản ...</p>	<p><u>biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a. <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>b. <u>Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c. <u>Chương trình và nội dung cuộc họp;</u></p> <p>d. <u>Ho, tên chủ toạ và thư ký;</u></p> <p><u>đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</u></p> <p>e. <u>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>g. <u>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>h. <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i. <u>Chữ ký của chủ toạ và thư ký.</u></p> <p><u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước</u></p>	<p>với Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
--	---	---	---

		<p><u>ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u></p> <p><u>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</u></p> <p><u>3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).</u></p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</u></p>	
<p>Sửa đổi tiêu đề và nội dung</p>	<p><b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các</p>	<p><b>Điều 24. Hiệu lực của Nghị Quyết và yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><u>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</u></p> <p><u>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi</u></p>	<p>Sửa đổi để bao quát nội dung</p> <p>- Điều lệ hiện hành chưa quy định về hiệu lực của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông. Bổ sung cho phù hợp</p>

	<p>trường hợp sau đây: ...</p>	<p><u>trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u></p> <p><u>3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p> <p><u>5. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự,</u></p>	<p>với Điều 147, 148 LDN năm 2014.</p>
--	--------------------------------	--	--

		<u>thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	
Bổ sung khoản 1	<b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b> <u>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u> <u>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</u>	Bổ sung theo khoản 1 Đ151 LDN 2014 .
Chuyển khoản 1 thành khoản 2 và sửa đổi	1.Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <b>ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định.</b> Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>từ 3 đến 5 người</u> . Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Sửa cho chính xác với tình hình thực tế.
Sửa đổi	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng	3. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u>	Sửa đổi để phù hợp



<p>khoản 2, chuyển thành khoản 3</p>	<p>có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và <b>từ 80% đến dưới 90%</b> được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.</p>	<p><u>có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.</u></p>	<p>hon</p>
<p>Bổ sung điểm d khoản 4, chuyển thành khoản 5</p>	<p>4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.</p>	<p>5. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: d Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, <u>trừ trường hợp bất khả kháng.</u></p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với khoản 1 Điều 156 LDN 2014.</p>
<p>Bỏ khoản 7</p>	<p>Thành viên HĐQT có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p><u>7. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng</u></p>	<p>Bỏ do trùng ý với điểm b khoản 1 bổ sung</p>
<p>Bổ sung</p>			<p>Bổ sung để phù hợp với khoản 3 Điều 156</p>

khoản 7		<p><u>Quản trị trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u></p>	Luật Doanh nghiệp 2014.
<p>Sửa đổi khoản 1</p> <p>Nhập khoản 2,3,4 và điều chỉnh</p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các</p>	<p><b>Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây :</p> <p>a. <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>b. <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p>c. <u>Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p>	<p>Sửa đổi cho câu văn ngắn gọn.</p> <p>Sửa đổi cho ngắn gọn hơn</p>

<p>mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm những người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;</p> <p>e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, những người quản lý khác. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng (nếu có);</p> <p>k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p>	<p><u>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></p> <p><u>đ. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</u></p> <p><u>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>h. Thông qua các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với Tổng Giám đốc và những người quản lý khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</u></p> <p><u>k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u></p>	
--	---	--

<p>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p>	<p><u>l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định;</u></p> <p><u>n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>o. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p><u>p. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</u></p> <p><u>q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p><u>r. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</u></p> <p><u>s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	
--	--	--

Bổ sung khoản 11	<p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>	<p><u>11. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>a. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</u></p> <p>b. <u>Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	Bổ sung cho phù hợp với Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2014.
Sửa đổi	<p><b>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng</p>	<p><b>Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	Sửa đổi, cho phù hợp với khoản 1 Điều 152

<p>khoản 1</p> <p>Sửa đổi khoản 2,3</p> <p>Bổ sung khoản 3</p>	<p>quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p><u>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>LDN 2014 .</p> <p>Bổ sung thêm cho đủ ý.</p>
--	--	---	---

		<u>Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</u>	
Sửa đổi khoản 4	<b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <b>mười lăm (15) ngày</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	<b>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b> 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn <u>bảy (07) ngày làm việc</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 5 điều 153 LDN 2014
Sửa đổi khoản 7	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <b>năm (05) ngày</b> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố...	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>ba (03) ngày làm việc</u> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố...	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 6 điều 153 LDN 2014
Sửa đổi khoản 8	8. ...Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <b>mười lăm (15) ngày</b> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. ...Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>bảy (07) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại khoản 8 điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014

Bổ sung khoản 9		<p><u>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u></p> <p>b. <u>Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u></p> <p>c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</u></p> <p>d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u></p> <p><u>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
Bổ sung khoản 10		<p><u>10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.</u></p>	Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014
Bổ sung khoản 17		<p><u>17. Những người có thể được mời họp dự thính Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	Bổ sung cho phù hợp với khoản 7 Điều 153 LDN 2014 và thực tế.



		<u>Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị, được quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u>	
	<p><b>Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng <b>và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</b> Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p><b>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức</p>	Sửa đổi cho phù hợp quy định về người quản lý
Bổ sung khoản 1	<p><b>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b></p>	<p><b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b></p> <p>.... <u>Tổng giám đốc điều hành phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u></li> <li>- <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.</u></li> </ul> <p>3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với khoản 1,2 Điều 65 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp</p>

<p>Sửa đổi khoản 3</p>	<p>3. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các vị trí quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>đ. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách</p>	<p>và trách nhiệm sau:</p> <p>a. <u>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>c. <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</u></p> <p>d. <u>Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p> <p>đ. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh khác trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>e. <u>Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</u></p> <p>g. <u>Tuyển dụng lao động;</u></p> <p>h. <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p>i. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>với thực tế.</p>
------------------------	---	---	---------------------

<p>Bỏ khoản 5</p> <p>Bổ sung khoản 5</p>	<p>phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p><u>5. Tổng giám đốc điều hành có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.</u></p>	<p>Nội dung này đã được quy định tại khoản i Điều 25 ĐL.</p> <p>Bổ sung để thuận tiện trong việc ủy quyền của TGD.</p>
	<p><b>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 33. Kiểm soát viên</b></p>	

<p>Sửa khoản 1 và tách khoản 1 thành khoản 1 và 2, đưa Quyền và trách nhiệm của Trưởng BKS xuống khoản 3</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. <b>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</b> Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. <b>Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</b> Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> <li>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 thành viên.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</li> <li>b. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</li> <li>c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.</li> <li>d. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</li> </ul> <p>3. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. <u>Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u></p> <p>4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 164 LDN.</p> <p>Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 163 LDN.</p> <p>Sửa đổi để phù hợp</p>
--	--	---	--

Sửa đổi khoản 2 và chuyển thành khoản 4	<p>của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; <b>từ 50% đến dưới 60%</b> được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.</p>	<p><u>của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 35% đến dưới 70% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.</u></p>	<p>hon.</p>
Sửa đổi khoản 4 và chuyển thành khoản 6	<p>4. Các <b>thành viên của Ban kiểm soát</b> do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; <b>thành viên Ban kiểm soát</b> có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>6. <u>Kiểm soát viên</u> do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của <u>Kiểm soát viên</u> không quá năm (05) năm; <u>Kiểm soát viên</u> có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p><i>Các điều khoản liên quan tới “Thành viên Ban kiểm soát” đều được thay thế bằng cụm từ “Kiểm soát viên” tương ứng.</i></p>
Bổ sung điểm d khoản 5	<p>5. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p>	<p>5. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, <u>trừ trường hợp bất khả kháng</u>;</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với khoản 1 Điều 169 LDN 2014</p>
	<p><b>Điều 33. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 123 Luật Doanh nghiệp</b> và Điều lệ này, ...</p>	<p><b>Điều 34. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, ...</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với việc viện dẫn Luật Doanh nghiệp 2014</p>

Bổ sung khoản 1	<p><b>Điều 46. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 47. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua <u>01 (một)</u> con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>Theo quy định tại Đ44 LDN 2014, Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về sử dụng nhiều con dấu chưa quy định cụ thể.</p>
	<p><b>Điều 51 : Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật Tư Bến Thành nhất trí thông qua <b>ngày 11 tháng 04 năm 2014</b> tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm <b>2013</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. ....</p>	<p><b>Điều 52 : Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật Tư Bến Thành nhất trí thông qua <u>ngày tháng 04 năm 2016</u> tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm <u>2016</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. ....</p>	

*Ghi chú: Phần gạch dưới là nội dung kiến nghị thay đổi, bổ sung.*